

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Án số: 72/2022/DS-PT.

Ngày: 28/3/2022.

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái và bà Nguyễn Thị Thúy.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai theo trình tự phúc thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số 453/2021/TLPT-DS ngày 21/12/2021 do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân quận H.B.T bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXX-DS ngày 05/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn có kháng cáo: Ngân hàng TMCP SGTT.
Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 N.K.K.N, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, theo Giấy ủy quyền số 308/2021/UQ-TTT ngày 18/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông N.T.Đ, sinh năm 1981.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 132 B.T, phường N.D, quận H.B.T, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Ngày 08/09/2011, ông N.T.Đ đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (sau đây viết tắt là S bank) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề

ngiht cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S bank - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng. Căn cứ vào thu nhập của ông N.T.Đ thì S bank đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Master Card Credit Classic số 512341-3698, cho ông N.T.Đ với hạn mức tín dụng: 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức đảm bảo cấp thẻ là tín chấp.

Quá trình sử dụng thẻ, ông N.T.Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 61.576.634 đồng. Ông N.T.Đ đã thanh toán cho S bank tổng số tiền 85.600.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S bank ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau.

Sau khi trừ khoản nợ theo thứ tự thì ông N.T.Đ còn nợ S bank 12.686.918 đồng. S bank nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn nhưng ông N.T.Đ không thiện chí trả nợ. Do ông N.T.Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, ngày 26/4/2017 S bank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N.T.Đ và chuyển số dư nợ sang nợ quá hạn theo Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng.

S bank khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận H.B.T yêu cầu ông N.T.Đ trả tiền như sau:

- + Trả nợ gốc 12.686.918 đồng.
- + Trả nợ lãi quá hạn: 19.976.296 đồng.
- + Đề nghị tiếp tục tính lãi từ 09/4/2021 (sau ngày khởi kiện) đến khi ông N.T.Đ trả hết nợ.
- + Đồng thời buộc ông N.T.Đ phải chịu các chi phí phát sinh.

Ông N.T.Đ không tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án nhân dân quận H.B.T thụ lý và xét xử sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Toà án nhân dân quận H.B.T đã xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của S bank để buộc ông N.T.Đ trả các khoản tiền tính đến 19/7/2021 là 30.807.350 đồng, gồm: Nợ gốc 11.424.178 đồng, tiền lãi trong hạn 409.040 đồng và tiền lãi quá hạn 18.974.132 đồng. Kể từ ngày tiếp tho sau xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông N.T.Đ còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án nhân

dân quận H.B.T còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, S bank kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân quận H.B.T vì lý do: Căn cứ Điều 13, Điều 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S bank ngày 01/6/2010 thì việc thỏa thuận giữa S bank với khách hàng là: Ngân hàng được tính lãi trên tất cả các khoản nợ thẻ hiện trong thông báo giao dịch. Tòa án nhân dân quận H.B.T chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện S bank giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.
- Ông N.T.Đ vắng mặt không lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:
 - + Về tố tụng: Hoạt động thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã được Tòa án tạo điều kiện tham gia tố tụng. Ông N.T.Đ vắng mặt là tự bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.
 - + Về nội dung: Đề nghị bác đơn kháng cáo của S bank, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của đại diện nguyên đơn có kháng cáo và đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1]. Hoạt động thụ lý và tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án của Tòa án nhân dân quận H.B.T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. S bank nộp đơn kháng cáo trong hạn và nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ.

[3]. Ông N.T.Đ là bị đơn nhưng không kháng cáo. Mặc dù đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện thủ tục tổng đạt, sau đó niêm yết các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa nhưng ông N.T.Đ vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng

tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt ông N.T.Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4]. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Master Card Credit Classic số 512341-3698 ngày 08/9/2011 được ông N.T.Đ ký kết với S bank trên cơ sở tự nguyện. Chủ thẻ tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội đã phù hợp với quy định tại các Điều 122, Điều 123, Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005; phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; phù hợp với Điều 7 và điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Hợp đồng có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện.

[5]. Về yêu cầu đòi nợ gốc của S bank đối với ông N.T.Đ với số tiền nợ gốc 12.868.918 đồng.

Xét thấy: Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 15/10/2019 của S bank thể hiện: Ông N.T.Đ sử dụng thẻ từ ngày 20/9/2011, đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 61.576.634 đồng và đã thanh toán cho S bank số tiền 85.600.000 đồng (thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau). Đến ngày 25/12/2016 ông N.T.Đ không trả được tiền cho S bank nữa. Tại Điều 23 điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S bank (đơn vị phát hành thẻ) về vi phạm quy định:

“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán... Khi có vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ;
- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ...”.

Trong vụ án này, ông N.T.Đ phát sinh giao dịch thẻ cuối cùng vào ngày 25/12/2016, dư nợ đến thời điểm này là 11.424.178 đồng nên xác định đây là khoản nợ gốc để tính lãi quá hạn. Bản án sơ thẩm buộc ông N.T.Đ phải trả cho S bank số

tiền nợ gốc 11.424.178 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước. Không căn cứ chấp nhận kháng cáo của S bank yêu cầu ông N.T.Đ trả nợ gốc là 12.868.918 đồng.

[6]. Về yêu cầu tiền lãi:

Ngân hàng kháng cáo yêu cầu ông N.T.Đ thanh toán số tiền lãi quá hạn là: 21.387.364 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 19/7/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy:

Về tiền lãi trong hạn: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N.T.Đ phải trả Ngân hàng S bank số tiền lãi trong hạn từ sau ngày 25/12/2016 theo bảng tóm tắt sao kê ngày 15/10/2019 là: 80.000đ + 80.000đ + 105.847đ + 143.193đ = 409.040 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016; điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S bank.

Về yêu cầu tiền lãi quá hạn: Do S bank chỉ được chấp nhận số nợ gốc là 11.424.178 đồng và xác định thời điểm chuyển lãi quá hạn là ngày 26/4/2017 nên Tòa án nhân dân quận H.B.T xét xử sơ thẩm xác định số tiền lãi quá hạn từ ngày 26/4/2017 đến ngày 19/7/2021 là 18.974.132 đồng là đúng quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với yêu cầu thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 19/7/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng của Ngân hàng: Theo quy định tại Điều 8, Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu này của Ngân hàng là lãi chồng lãi và không đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, Ngân hàng kháng cáo yêu cầu ông N.T.Đ thanh toán số tiền lãi quá hạn là 21.387.364 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 19/7/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng S bank đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H.B.T.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân quận H.B.T, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đối với ông N.T.Đ.

Buộc ông N.T.Đ phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 08/9/2011 là 11.424.178 đồng tiền gốc, 409.040 đồng tiền lãi trong hạn và 18.974.132 đồng lãi quá hạn. Tổng số tiền ông N.T.Đ phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT là 30.807.350 đồng (ba mươi triệu, tám trăm linh bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ trong số tiền 630.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2019/3958 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.B.T, thành phố Hà Nội. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền 330.000 đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng) còn lại.

Ông N.T.Đ phải chịu 1.540.368 đồng (Một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2020/0011984 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.B.T, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận H.B.T;
- Chi cục THADS quận H.B.T;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trí Cường